

Số: 181/BC-BVN

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ
CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 60/2021/NĐ-CP NGÀY 21/6/2021 CỦA
CHÍNH PHỦ
NĂM 2024

I. Đánh giá chung

Bệnh viện Nhi Lâm Đồng là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên giai đoạn 2023-2025. Từ khi triển khai đơn vị đã chủ động xây dựng các kế hoạch chuyên môn, xây dựng đề án vị trí việc làm, quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý hiệu quả việc sử dụng nguồn kinh phí hoạt động, tiết kiệm chi, hoàn thành nhiệm vụ được giao; nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

1.1 Về chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện:

Bệnh viện Nhi Lâm Đồng được thành lập theo quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 04/08/2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Bệnh viện Nhi là đơn vị y tế tuyến tỉnh về chuyên ngành Nhi khoa của tỉnh Lâm Đồng; có chức năng, nhiệm vụ theo quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng, cụ thể:

1.1.1. Cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh:

a) Tổ chức cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú, ngoại trú cho trẻ em; tham gia khám giám định sức khỏe cho trẻ em khi có trưng cầu của Hội đồng giám định y khoa; khám giám định pháp y khi được cơ quan bảo vệ pháp luật trưng cầu.

b) Tư vấn các vấn đề liên quan tới bệnh lý nhi khoa.

c) Phục hồi chức năng sau điều trị cho bệnh nhân trẻ em.

1.1.2. Phòng bệnh:

a) Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng trên địa bàn thực hiện phòng bệnh, phòng dịch.

b) Tổ chức thực hiện chương trình phòng bệnh các bệnh truyền nhiễm và nhiệt đới, tham gia công tác chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh trong phạm vi toàn tỉnh theo sự phân công của Sở Y tế.

c) Chuẩn bị cơ sở để sẵn sàng tiếp nhận, cách ly bệnh nhân, không chế dịch bệnh và chủ động đề xuất với cấp có thẩm quyền dự trữ các nguồn lực để kịp thời chống dịch nếu có dịch xảy ra.

d) Tham gia phòng, chống, sẵn sàng ứng phó, khắc phục thiên tai, thảm họa trên địa bàn.

1.1.3. Nghiên cứu khoa học:

a) Nghiên cứu khoa học và hợp tác nghiên cứu về dịch tễ học lâm sàng, các yếu tố liên quan đến lây truyền bệnh nhằm xây dựng các biện pháp phòng, chống các bệnh thuộc lĩnh vực chuyên khoa để phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

b) Nghiên cứu mô hình bệnh tật, xây dựng quy trình kỹ thuật, các phương pháp chẩn đoán, phác đồ điều trị, dự phòng, phục hồi chức năng thuộc chuyên ngành nhi khoa.

c) Tham mưu Giám đốc Sở Y tế về định hướng công tác nghiên cứu khoa học trong chuyên ngành nhi khoa.

d) Nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc khám bệnh, chữa bệnh; chuyển giao công nghệ, thử nghiệm lâm sàng thuộc chuyên ngành nhi khoa nhằm nâng cao sức khỏe nhân dân.

đ) Chủ trì và tham gia thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học, tổ chức các Hội nghị khoa học...

e) Tổ chức các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học trong nước và hợp tác quốc tế với nước ngoài theo sự phân công của Sở Y tế Lâm Đồng.

1.1.4. Đào tạo cán bộ:

a) Bệnh viện là cơ sở thực hành đào tạo cán bộ y tế về chuyên khoa theo quy định.

b) Đào tạo liên tục và đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho viên chức trong bệnh viện và các cơ sở y tế tuyến dưới về nhi khoa.

1.1.5. Chỉ đạo tuyến:

a) Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật thuộc chuyên ngành nhi khoa; đề xuất phương hướng, kế hoạch, biện pháp củng cố, phát triển mạng lưới chuyên khoa nhi trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Chuyển giao và hỗ trợ các kỹ thuật chuyên môn nhi khoa cho tuyến dưới; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên môn đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến dưới về chuyên ngành nhi khoa trên phạm vi toàn tỉnh.

c) Chỉ đạo, tham gia hỗ trợ tuyến dưới tổ chức triển khai các chương trình, dự án liên quan tới chuyên ngành nhi khoa.

1.1.6. Hợp tác quốc tế:

a) Chủ động khai thác, thiết lập mối quan hệ hợp tác, trao đổi kinh nghiệm và trao đổi chuyên gia về khám, chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bệnh viện theo quy định của pháp luật.

1.1.7. Quản lý kinh tế trong bệnh viện:

a) Quản lý tài sản nhà nước, vốn đầu tư phát triển (nếu có); tiếp nhận và quản lý, sử dụng các nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích và đúng quy định của pháp luật..

c) Thực hiện xã hội hóa trong hoạt động của bệnh viện theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

1.1.8. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo chuyên môn theo quy định và một số nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Y tế giao phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

1.2. Về cơ cấu tổ chức bộ máy của bệnh viện

Hiện tại, cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nhi thực hiện theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nhi tỉnh Lâm Đồng trực thuộc Sở Y tế, cụ thể:

a) Lãnh đạo Bệnh viện, gồm có: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

- Giám đốc là người đứng đầu Bệnh viện chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Bệnh viện.

- Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp quản lý cán bộ của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cơ cấu tổ chức của Bệnh viện, gồm:

*) Các phòng chức năng: 03 phòng - Phòng Tổ chức - Hành chính.

- Phòng Tài chính kế toán.

- Phòng Kế hoạch tổng hợp và Điều dưỡng.

*) Các khoa chuyên môn: 07 khoa - Khoa Khám bệnh và Cấp cứu.

- Khoa Hồi sức tích cực và chống độc.

- Khoa Nội - Nhiễm.

- Khoa Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt.

- Khoa Ngoại - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức.

- Khoa Dược.

- Khoa Cận lâm sàng.

Về nhân lực của bệnh viện:

* Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 156 người (trong đó: hưởng lương từ ngân sách: 97 người; hưởng lương từ nguồn thu SN: 59 người)

Số viên chức đầu năm: 79 người; Số hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên đầu năm: 22 người (gồm 15 hợp đồng hỗ trợ phục vụ và 17 người thuộc hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ)

* Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: 120 người

trong đó: số viên chức 99 người; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên 21 người (gồm 14 hợp đồng hỗ trợ phục vụ và 7 người thuộc hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ)

* Chất lượng nguồn nhân lực:

Trình độ		Số lượng	Trình độ		Số lượng
1. Sau đại học	Tiến sĩ		3. Cao đẳng	ĐD/ HS	20
	CKII	1		KTV	2
	Thạc sĩ	4		Dược sĩ	3
	CKI	10		Khác	4
2. Đại học	Bác sĩ	19	4. Trung học	ĐD/HS	3
	Điều Dưỡng	16		KTV	0
	KTV	8		Dược sĩ	0
	Dược sĩ	4		Khác	1
	Khác	11	5. Khác		14
Tổng số		120			

Tình hình tăng, giảm nhân lực:

Tăng: 20 người	Giảm: 9 người
- Chuyển đến: 04 người	- Chuyển đi: 02 người
- Tuyển dụng: 22 người (19 là HĐLĐ cũ, 3 trúng tuyển mới)	- Nghỉ việc: 04 người
- Hợp đồng mới: 13 người	- Xin thôi hợp đồng: 02 người
	- Nghỉ hưu: 01 người

2. Về thực hiện nhiệm vụ được giao

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	CTKH giao năm 2024	Thực hiện năm 2024	Đánh giá thực hiện CTKH giao năm 2024	Thực hiện cùng kỳ năm 2023	So sánh với cùng kỳ năm 2023
I	GIƯỜNG BỆNH KẾ HOẠCH	Giường	120	113,09	- 94,2% (so với 120 GB) - 113,09% (so với 100 GB)	110,32	↑ 2,5 %
II	HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN						
1	Tổng số lần khám bệnh	Lần	40.000	47.315	118,2%	42.344	↑ 11,7%
2	Số lượt điều trị nội trú	Lượt	-	6.127	-	5.772	↑ 6,1%
3	Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	43.800	41.390	94,4%	40.265	↑ 2,8%
4	Công suất sử dụng giường bệnh	%	-	113,09 (so với 100 GB)	-	110,32	↑ 2,77
5	Ngày điều trị trung bình/bệnh nhân	Ngày	6	6,8	Cao hơn 0,8 ngày	7	↓ 0,2 ngày
6	Tổng số phẫu thuật	Ca	-	153	-	177	↓ 13,56%
7	Xét nghiệm	Lần	-	36.499	-	39.042	↓ 6,5%

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	CTKH giao năm 2024	Thực hiện năm 2024	Đánh giá thực hiện CTKH giao năm 2024	Thực hiện cùng kỳ năm 2023	So sánh với cùng kỳ năm 2023
8	Chẩn đoán hình ảnh	Lần	-	16.803	-	14.110	↑ 19,09%
9	Tỷ lệ hài lòng người bệnh:						
	- Người bệnh ngoại trú	%	≥ 90,0	94,9	Đạt	96,3	↓ 1,4
	- Người bệnh nội trú	%	≥ 90,0	91,3	Đạt	91,4	↓ 0,1
III	CCHC VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ Y TẾ						
1	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	>80	Đạt	Đạt	-	-
2	Khám chữa bệnh QR Code thẻ CCCD	%	>70	61,8%	Không đạt	-	-
3	Thanh toán viện phí không dùng tiền mặt	%	50	52,27%	Đạt	-	-
4	Liên thông Giấy báo tử	%	100	100	Đạt	-	-
5	Khai báo lưu trú trực tuyến tại các cơ sở khám chữa bệnh	%	100	100	Đạt	-	-

*** Đánh giá thực hiện năm 2024 so với CTKH giao năm 2024**

- Các chỉ tiêu đạt so với CTKH giao năm 2024:

- + Tổng số lần khám bệnh (118,2%).
- + Tỷ lệ hài lòng người bệnh.
- + Các chỉ tiêu CCHC và chuyển đổi số y tế.
- + Giường bệnh thực hiện đạt 113,09%.

- Các chỉ tiêu chưa đạt so với CTKH giao năm 2024:

- + (1) Tổng số ngày điều trị nội trú (94,4%).
- + (2) Ngày điều trị trung bình/bệnh nhân (cao hơn 0,8 ngày).

- Nguyên nhân các chỉ tiêu chưa đạt:

+ (1), (2), (3): Hiện tại, BN nội trú của bệnh viện tập trung ở 2 khoa: Hồi sức tích cực & chống độc và Nội - Nhiễm; Khoa Mắt, TMH, RHM chưa triển khai điều trị nội trú; Khoa Ngoại - PT - GMHS đã triển khai phẫu thuật, điều trị nội trú nhưng chưa thường xuyên do thiếu bác sĩ ngoại nhi. Đối với bệnh viện Nhi, ngày ĐTTB/BN toàn viện thường cao hơn các bệnh viện thường xuyên triển khai nội trú chuyên khoa lẻ, ngoại khoa.

2.2. Công tác Dược, vật tư, trang thiết bị

*** Công tác Dược**

- Về đấu thầu thuốc: Bệnh viện đã tổ chức đấu thầu các gói thầu thuốc Generic, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền phục vụ công tác khám chữa bệnh của Bệnh viện Nhi. Bệnh viện dự trữ số lượng, danh mục thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương, danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp quốc gia, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá phục vụ công tác khám, điều trị bệnh tại Bệnh viện Nhi tỉnh Lâm Đồng.

- Về đấu thầu vật tư, hóa chất: Bệnh viện đã thực hiện tổ chức đấu thầu các gói thầu vật tư, hóa chất tổng hợp, khí y tế năm 2024-2025.

- Bệnh viện Nhi đã ghi nhận 11 trường hợp phản ứng có hại của thuốc, đã tổng hợp báo cáo kịp thời cho trung tâm DI - ADR bằng hệ thống báo cáo điện tử theo quy định hiện hành.

- Hoàn thành dự thảo danh mục thuốc LASA năm 2024, trình Ban Giám đốc phê duyệt, ban hành nội bộ.

*** Trang thiết bị, xây dựng cơ bản**

- Xây dựng, triển khai kế hoạch Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy phát điện năm 2024.

- Rà soát các trang thiết bị hư hỏng, sử dụng không hiệu quả để có kế hoạch thanh lý, sửa chữa, điều chuyển TTB.

- Kiểm định phương tiện đo nhóm 2, kiểm định tính năng kỹ thuật một số trang thiết bị y tế theo quy định.

- Sửa chữa một số trang thiết bị y tế cấp bách để không bị gián đoạn hoạt động khám chữa bệnh.

- Kiểm định tính năng kỹ thuật một số trang thiết bị y tế theo quy định.

- Trình Sở Y tế xác lập sở hữu toàn dân những tài sản chưa làm thủ tục đề nghị.

- Triển khai thủ tục đấu thầu, mua sắm gói “Trang thiết bị y tế năm 2024 của Bệnh viện Nhi tỉnh Lâm Đồng” theo quy định.

- Triển khai hiệu chuẩn các thiết bị xét nghiệm năm 2024.

2.3. Văn phòng phẩm, ấn phẩm, vật rẻ mau hỏng, nilon, đồ vải

- Thực hiện đấu thầu, mua sắm các gói thầu: ấn phẩm, vật rẻ mau hỏng, nilon, văn phòng phẩm năm 2024 và cấp phát hàng quý cho các Khoa, phòng đảm bảo hoạt động chuyên môn không bị gián đoạn.

- Triển khai công tác đấu thầu, mua sắm gói thầu trang phục chuyên môn năm 2024.

3. Quản lý chất lượng bệnh viện

- Ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng Bệnh viện năm 2024.

- Hoàn thành kiểm tra chất lượng bệnh viện cuối năm 2024, hiện đang tổng hợp kết quả kiểm tra.

- Triển khai khảo sát hài lòng người bệnh nội trú, ngoại trú hàng quý; khảo sát nhân viên y tế trong năm theo quy định, Kết quả khảo sát hài lòng năm 2024 như sau:

STT	Loại thống kê	Người bệnh nội trú (QĐ56)	Người bệnh ngoại trú (QĐ56)	Nhân viên y tế
1	Tổng điểm TB người dùng chọn	4.34	4.20	3.92
2	Tỷ lệ hài lòng chung	91.26%	94.91%	73.80%
3	Điểm TB theo từng phần	A: 4.40 B: 4.36 C: 4.21 D: 4.45	A: 4.09 B: 4.24 C: 4.10 D: 4.34	A: 3.88 B: 4.02 C: 3.87 D: 3.92

STT	Loại thống kê	Người bệnh nội trú (QĐ56)	Người bệnh ngoại trú (QĐ56)	Nhân viên y tế
		E: 4.36	E: 4.28	E: 3.95
4	Tỷ lệ hài lòng so với mong đợi	92.86%	92.01%	-
5	Tỷ lệ người bệnh sẽ quay trở lại	98.80%	98.75%	-
6	Sẽ gắn bó làm việc tại bệnh viện lâu dài	-	-	73.11%
7	Mức độ hài lòng nói chung về lãnh đạo bệnh viện	-	-	74.19%
8	Chỉ số hài lòng toàn diện	57.06%	68.85%	34.41%
9	Tổng số phiếu được phân tích	333	321	93

4. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Bệnh viện đang thực hiện phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Cơ chế tự chủ tài chính giai đoạn 2023- 2025 theo của Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2023-2025

5. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Về mức thu sự nghiệp, thu dịch vụ: Thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
- + Đối với bệnh nhân khám bệnh, chữa bệnh có thẻ BHYT:

Thực hiện theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp

- + Đối với trường hợp bệnh nhân khám bệnh, chữa bệnh không có thẻ BHYT:

Thực hiện theo Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 quy định khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp

+ Nghị Quyết số 365/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khóa X Kỳ họp thứ 21 về quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc tỉnh Lâm Đồng quản lý.

- Các khoản thu do đơn vị tự quyết định:

- + Cho thuê mặt bằng làm căn tin trong bệnh viện;
- + Cho thuê bãi giữ xe bệnh nhân;

- + Bãi giữ xe taxi;
- + Dịch vụ chuyển viện cấp cứu;
- + Dịch vụ giường yêu cầu;

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

A. Phần Thu	
+ Nguồn ngân sách nhà nước cấp	7.724.478.729 đồng
<i>Kinh phí tự chủ:</i>	5.720.893.529 đồng
<i>Kinh phí không tự chủ:</i>	2.003.585.200 đồng
+ Thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh:	21.125.381.639 đồng
+ Thu từ các hoạt động dịch vụ:	2.900.962.817 đồng
+ Thu khác:	325.364.390 đồng
B. Phần Chi	
+ Nguồn ngân sách nhà nước cấp	6.702.784.729 đồng
<i>Kinh phí tự chủ:</i>	5.720.893.529 đồng
<i>Kinh phí không tự chủ:</i>	981.891.200 đồng
+ từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh:	18.377.432.555 đồng
+ từ các hoạt động dịch vụ:	1.849.947.234 đồng
+ từ hoạt động khác	252.396.606 đồng

c) Chênh lệch thu chi thường xuyên trích lập quỹ

- Tiết kiệm từ nguồn ngân sách nhà nước cấp: 593.625.559 đồng;
- Từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: 1.246.124.020 đồng;
- Từ các hoạt động dịch vụ: 565.863.350 đồng;
- Từ thu khác: 43.780.671 đồng;

*** Trích lập các quỹ**

- Trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 607.168.648 đồng;
- Trích quỹ bổ sung thu nhập: 1.611.284.027 đồng;
- Trích quỹ khen thưởng: 77.143.731 đồng;
- Trích quỹ phúc lợi: 1.459.436.036 đồng;
- Trích quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 27.363.762 đồng;
- Trích quỹ khác (quỹ hỗ trợ bệnh nhân): 59.653.217 đồng;
- Trích khấu hao TTB-quỹ PT HDSN: 24.467.700 đồng;

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: 2.183.776.719 đồng
- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị 1.555.397 đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân 0,18 lần.

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

Việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ của Bệnh viện được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của BTC hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp

công lập.

Chế độ chi tiêu kinh phí tự chủ đơn vị thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ theo Quyết định số 134/QĐ-BVN ngày 26/4/2024 ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của Bệnh viện Nhi Lâm Đồng và Quyết định số 239/QĐ-BVN ngày 07/8/2024 điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của Bệnh viện Nhi Lâm Đồng

Quy chế được thông qua Hội nghị viên chức, người lao động ngay từ đầu năm và dưới sự thống nhất giữa Ban Giám đốc và Ban Chấp hành Công đoàn; xây dựng các nội dung chi với nguồn kinh phí chi thường xuyên bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định của Nhà nước.

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu

Bệnh viện cần mở rộng thêm các dịch vụ kỹ thuật y tế có chuyên môn sâu, đầu tư các trang thiết bị y tế hiện đại, bên cạnh đó phải đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng đến sự hài lòng của người bệnh, đáp ứng nhu cầu về sức khỏe ngày càng cao của nhân dân thu hút bệnh nhân đến với bệnh viện ngày càng nhiều hơn.

Trang thiết bị y tế khi đầu tư tại Bệnh viện được khai thác sử dụng đúng chức năng, vận hành đúng quy trình, được kiểm tra trước mỗi lần sử dụng.

Xây dựng hệ thống định mức tiêu chuẩn chế độ chi tiêu nội bộ hợp lý đảm bảo tính hiệu quả tránh lãng phí và là căn cứ để xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm soát chi trong tài chính. Tuyên truyền và vận động CBVC quán triệt tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bằng các biện pháp, giải pháp cụ thể, thiết thực tùy tình hình thực tế và tính chất công việc của mỗi các nhân, mỗi khoa, phòng.

f) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn.

g) Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (chi tiết theo từng nguồn).

*** Nguồn thu:**

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế (NH Agribank tài trợ) năm trước chuyển sang: 1.000.000.000 đồng

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng: 65.000.000 đồng

- Giao kinh phí mua sắm thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn cho Bệnh viện Nhi tỉnh Lâm Đồng năm 2024 (nguồn giảm DT chi thường xuyên NSNN năm 2023 chuyển sang thực hiện năm 2024): 1.987.580.000 đồng

*** Nguồn chi:**

- Kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế (NH Agribank tài trợ): 965.886.000 đồng

- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng: 16.005.200 đồng

- Giao kinh phí mua sắm thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn cho Bệnh viện Nhi tỉnh Lâm Đồng năm 2024 chuyển sang năm 2025: 1.987.580.000 đồng

6. Những khó khăn, tồn tại; Đề xuất, kiến nghị.

Cần bổ sung chính sách thu hút nói chung đối với cán bộ y tế, đặc biệt là bác sĩ có năng lực, trình độ đại học, sau đại học về công tác tại tỉnh Lâm Đồng.

Bắt cập khi thực hiện thanh toán BHYT hiện nay: BHXH hiện đang thực hiện rà soát, xuất toán những giường vượt quá 10% quy mô giường bệnh theo giấy phép hoạt động từ ngày 01/01/2024, điều này có một số bất cập. Cụ thể:

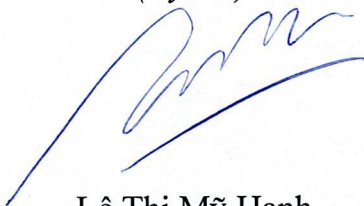
- Nghị định 96/2023/NĐ-CP không có hướng dẫn cụ thể về cách thanh toán giường bệnh thực kê (thực tế) nhưng BHXH đang căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 67 của Nghị định để xuất toán.

- Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, Thông tư 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế về việc quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp vẫn còn hiệu lực, do đó nội dung thanh toán giường thực kê (thực tế) cần thực hiện theo quy định tại khoản 16, Điều 6 Thông tư này. Tới ngày 01/01/2025, Thông tư này mới hết hiệu lực.

- Trường hợp bệnh nhân tới khám chữa bệnh khi Bệnh viện đang có số bệnh nhân vượt quá 10% quy mô giường bệnh tại giấy phép hoạt động: Bệnh viện không thể từ chối điều trị bệnh nhân và sẽ phải thu phí điều trị nội trú (đặc biệt là giường bệnh), tuy nhiên BHXH không thanh toán tiền giường bệnh, bệnh nhân không đóng tiền (bệnh nhân thuộc diện được hưởng BHXH). Bệnh viện sẽ bị thiệt một phần thu dẫn đến khó khăn về việc đảm bảo nguồn lực duy trì hoạt động, thu nhập của nhân viên y tế bị giảm nhiều, gây bức xúc cho nhân viên y tế do “gồng mình, cố gắng làm việc khi bệnh đông quá tải, không được chi trả dịch vụ giường bệnh mà trong thực tế dịch vụ này đã được cung cấp cho bệnh nhân hoàn toàn theo quy chế chuyên môn và đã tiêu tốn những chi phí cấu thành dịch vụ./.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký tên)



Lê Thị Mỹ Hạnh

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Thiên

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM 2024

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người			
1	Số cán bộ, viên chức	Người	97	97	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người		20	
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng		13.425	
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng		30.076	
A	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên</i>				
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)			21.125	
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)			3.226	
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)				
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)			5.736	
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có)				
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
IV	Chi thường xuyên			27.149	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	góp theo lương			13.425	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp			12.117	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên			1.583	
6	Trích khấu hao tài sản cố định			24	
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)				
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)				
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>			5.927	
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			541	
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập			1.479	
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi			1.468	
4	Trích Quỹ khác (nếu có)			12	
	(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng		2.184	
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần		0,13	
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập ứng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng /tháng			
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn thu				
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)			3.004	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ			982	
	<i>Dự toán cấp mua trang thiết bị Y tế (ngân hàng Agribank tài trợ)</i>			965.9	
	<i>Dự toán thu chi Ngân sách nhà nước năm 2024-Kinh phí hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng</i>			16.0	
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
BỆNH VIỆN NHI
Số: 182 /BVN-TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Lâm Đồng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ VIỆC TỰ KIỂM TRA TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN NĂM 2024

Căn cứ theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Nhằm thực hiện tốt, hiệu quả công tác quản lý tài chính, Bệnh viện Nhi Lâm Đồng báo cáo kết quả tự kiểm tra tài chính, kế toán năm 2024 với kết quả như sau:

I. Khái quát chung

Bệnh viện Nhi Lâm Đồng là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân và con dấu riêng được thành lập theo quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 04/08/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, có trụ sở tại 57 Thánh Mẫu - phường 7 - Đà Lạt - Lâm Đồng.

Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Nhi tỉnh Lâm Đồng trực thuộc Sở Y tế.

Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 28/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2023-2025.

II. Kết quả tự kiểm tra

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp:

Căn cứ vào báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động đề ghi nhận

1.1 Kinh phí tự chủ

DVT: Đồng

Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Dự toán kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	
2. Dự toán giao trong năm (kể cả điều chỉnh, bổ sung dự toán trong năm)	5.720.893.529	5.720.893.529	
3. Tổng dự toán kinh phí được sử dụng trong năm	5.720.893.529	5.720.893.529	
4. Tổng số kinh phí sử dụng đề nghị quyết toán	5.720.893.529	5.720.893.529	
5. Số kinh phí hủy trong năm	0	0	
6. Số kinh phí chuyển năm sau	0	0	0

1.2 Kinh phí không tự chủ

Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Dự toán kinh phí năm trước chuyển sang	1.000.000.000	1.000.000.000	
2. Dự toán giao trong năm (kể cả điều chỉnh, bổ sung dự toán)	2.003.585.200	2.003.585.200	
3. Tổng dự toán kinh phí được sử dụng trong năm	981.891.200	981.891.200	
4. Tổng số kinh phí sử dụng đề nghị quyết toán	981.891.200	981.891.200	
<i>Dự toán cấp mua trang thiết bị Y tế (ngân hàng Agribank tài trợ)</i>	<i>965.886.000</i>		
<i>Dự toán thu chi Ngân sách nhà nước năm 2024-Kinh phí hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ chi phí đi lại, hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng</i>	<i>16.005.200</i>		
5. Số kinh phí hủy trong năm	34.114.000	34.114.000	
6. Số kinh phí chuyển năm sau (kinh phí mua sắm thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn)	1.987.580.000	1.987.580.000	0

2. Nguồn thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh

Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	2.992.006.092	2.992.006.092	
2. Tổng thu được sử dụng trong năm	21.125.381.639	21.125.381.639	
3. Tổng chi phí	18.376.432.555	18.376.432.555	
4. Nộp ngân sách nhà nước	1.000.000	1.000.000	
5. Chênh lệch thu lớn hơn chi	5.739.955.176	5.739.955.176	
6. Trích cải cách tiền lương	1.573.282.737	1.573.282.737	
7. Trích lập quỹ theo quy định, thu nhập tăng thêm	1.246.124.020	1.246.124.020	0

3. Nguồn thu hoạt động từ kinh doanh, cho thuê:

Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	0	0	
2. Tổng thu được sử dụng trong năm	2.900.962.817	2.900.962.817	
3. Tổng chi phí	1.778.029.097	1.778.029.097	
4. Nộp ngân sách nhà nước	71.918.137	71.918.137	
5. Chênh lệch thu lớn hơn chi	1.051.015.583	1.051.015.583	
6. Trích cải cách tiền lương	377.242.233	377.242.233	
7. Trích lập quỹ theo quy định, thu nhập tăng thêm	565.863.350	565.863.350	0

4. Hoạt động các khoản thu khác

Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	0	0	
2. Tổng thu được sử dụng trong năm	325.364.390	325.364.390	
3. Tổng chi phí	243.017.406	243.017.406	
4. Nộp ngân sách nhà nước	9.379.200	9.379.200	
5. Chênh lệch thu lớn hơn chi	72.967.784	72.967.784	
6. Trích cải cách tiền lương	29.187.114	29.187.114	
7. Trích lập quỹ theo quy định, thu nhập tăng thêm	43.780.671	43.780.671	0

4. Việc chấp hành các quy định pháp luật về tài chính, kế toán.

4.1 Về quỹ tiền mặt:

Thực hiện thu chi tiền mặt đúng quy định, hàng tháng kế toán phối hợp với kế toán viên phí, thủ quỹ thực hiện kiểm kê quỹ.

Kiểm tra đối chiếu số dư tài khoản tiền gửi tại kho bạc, ngân hàng khớp với số dư trên sổ sách kế toán.

4.2 Về sổ sách, chứng từ:

Thực hiện việc mở, ghi và theo dõi sổ sách kế toán đúng theo quy định của luật kế toán, Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Thông tư 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ tài chính; Thông tư 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước quy định. Đơn vị đã thực hiện hạch toán, theo dõi kế toán trên phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp MisaMinosa.net 2022 và in sổ sách lưu trữ đầy đủ đúng theo quy định hiện hành.

4.3 Việc trích lập và sử dụng các quỹ:

Đơn vị đã thực hiện trích lập và sử dụng các quỹ theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của BTC hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập để trích lập Quỹ bổ sung thu nhập; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ ổn định dự phòng thu nhập.

4.4 Cải cách tiền lương:

Thực hiện trích cải cách tiền lương theo quy định.

4.5 Trích nộp NSNN:

Thực hiện trích nộp NSNN (các khoản thuế TNDN, GTGT, thuế Môn bài) theo đúng thời gian và quy định. Trong năm 2023 và 2024 đơn vị đã tạm tính và trích tiền thuê đất vào tài khoản phải trả, phải nộp (do chưa có hướng dẫn cụ thể từ Sở Tài nguyên & Môi trường cách tính nộp thuế đất sử dụng cho mục đích kinh doanh cho thuê)

5. Mua sắm, quản lý tài sản, vật liệu, dụng cụ

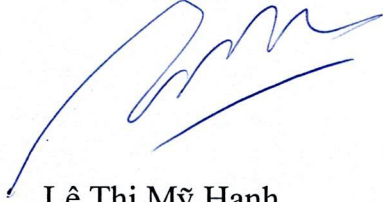
- Đơn vị đã thực hiện mua sắm tài sản theo phương thức mua sắm tập trung theo quy định. Theo dõi Tài sản và CCDC trên phần mềm quản lý tài sản và in sổ sách lưu trữ đầy đủ đúng theo quy định hiện hành. Cập nhập vào cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý tài sản nhà nước 4.0 của Bộ Tài chính và phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công tại Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ

- Có sổ theo dõi tài sản, CCDC ở các khoa/phòng, sổ tăng giảm tài sản cố định
- Thực hiện việc xuất – nhập thuốc, vật tư đúng quy định và kịp thời.
- Phối hợp với các khoa/phòng đã thực hiện việc kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ, thuốc, vật tư hóa chất...

Trên đây là báo cáo về công tác tự kiểm tra tài chính của Bệnh viện Nhi Lâm Đồng.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

(Ký tên)



Lê Thị Mỹ Hạnh

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Thiên